**Tiết 54, 55: CHỦ ĐỀ 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1: Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt**

**(Vũ Bằng)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Vận dụng được các kiến thức về dấu gạch ngang và các biện pháp tu từ.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng ý kiến khác biệt.

**2. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Tranh ảnh minh hoạ cho các bài tùy bút, tản văn về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. PHẦN 1: TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Trên bản đồ có 8 vùng địa lý tương ứng với 8 câu hỏi liên quan đến khu vực đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, trình bày  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét và giới thiệu vào bài.  Các con ạ, qua việc quan sát các hình ảnh về vẻ đẹp đất nước, chúng ta nhận thấy rằng mỗi vùng miền có thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh thế giới muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy đều có những vẻ đẹp riêng. Để cảm nhận được bức tranh thế giới muôn màu ấy, cô và các con cùng đi vào tìm hiểu bài 5 – Màu sắc trăm miền. | - GV gợi mở theo hướng nhấn mạnh sự đa dạng của văn hóa các vùng miền. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và hoàn thành phiếu học tập:*   |  |  | | --- | --- | | Tên chủ đề |  | | Nội dung chủ đề |  | | Thể loại |  | | Văn bản |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung và định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**  - Tên chủ đề: Màu sắc trăm miền  - Nội dung chủ đề: Mỗi vùng miền mang một vẻ đẹp riêng tạo nên bức tranh muôn màu. Hãy đón nhận thế giới ấy bằng trái tim ấm áp và nụ cười thân thiện  - Thể loại: Tuỳ bút, tản văn  - Các văn bản:  + Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt  + Chuyện cơm hến  + Hội lồng tồng |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV phát PHT số 1*  *+ Từ PHT, GV yêu cầu HS chỉ ra được khái niệm và những thông tin cơ bản về tùy bút.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Khái niệm*** |  | | ***Yếu tố trong tùy bút*** |  | | ***Cái tôi tác giả trong tùy bút*** |  | | ***Ngôn từ*** |  | | ***Lời văn*** |  | | ***Bố cục, chủ đề*** |  | | ***Cốt truyện, nhân vật*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  *1. Tùy bút*   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện** | | Khái niệm | Là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí | | Yếu tố trong tùy bút | Trữ tình, triết lí, suy tưởng… | | Cái tôi tác giả trong tùy bút | Là điểm tựa của tùy bút, qua việc ghi chép, tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của mình. | | Ngôn từ | Giàu hình ảnh, giàu chất thơ | | Lời văn | - Uyển chuyển, linh hoạt  - Kết hợp chất thơ và chất trần thuật. | | Bố cục, chủ đề | Bố cục khá tự do, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định | | Cốt truyện, nhân vật | Không nhất thiết có cốt truyện hay nhân vật hoàn chỉnh | |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu các yếu tố đặc trưng trong văn bản tản văn:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV phát PHT số 2*  *+ Từ PHT, GV yêu cầu HS chỉ ra khái niệm tản văn, một số đặc điểm của tản văn.*   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện** | | **Khái niệm** |  | | **Cách thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của người viết** |  | | **Yếu tố trong tản văn** |  | | **Ngôn từ** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | *2. Tản văn*   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện** | | Khái niệm | Thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc | | Cách thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của người viết | Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống | | Yếu tố trong tản văn | Có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu | | Ngôn từ | Gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự. | |

**PHẦN 2 ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: ĐỌC, KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1 – THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, dẫn dắt vào bài học

**b. Nội dung:** xem video về mùa xuân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ*  Giai điệu trên mang đến cho em cảm nhận gì về vẻ đẹp của tháng Giêng?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**1.1. Đọc văn bản - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- HS đọc văn bản, trình bày được thông tin cơ bản về tác phẩm, nhận biết được nội dung chính của văn bản.

- HS biết cách tiếp cận một văn bản tùy bút.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu chung.

**c. Sản phẩm:** Phần tìm hiểu chung về tác phẩm được viết dưới dạng sơ đồ tư duy (sản phẩm trình bày vào phiếu học tập).

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ*  + GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng.  + GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong sgk: *chiền chiện, Nam ai Nam bình, phách tiền.*  + GV yêu cầu học sinh xác định nội dung chính của văn bản?  + GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?  + Bố cục của văn bản?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. ĐỌC VĂN BẢN – TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc.  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi.  - Trình bày được nội dung, cảm xúc chính của văn bản.  **2. Chú thích**  *- Mang mang*  *- Giang hồ*  *- Uyên ương*  *- Nhụy vẫn còn phong*  **3. Tác giả:**  - Vũ Bằng (1913 – 1984), sinh ra ở Hà Nội.  - Ông là nhà văn, nhà báo có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí.  - Tác phẩm tùy bút của ông giàu chất trữ tình và chất thơ, hướng vào biểu hiện thế giới nội tâm phong phú.  - Văn Vũ Bằng đầy cảm xúc, biểu thị những cảm giác tinh tế.  - Một số tác phẩm tiêu biểu:  *+ Miếng ngon Hà Nội (1960)*  *+ Món lạ miền Nam (1969)*  *+ Thương nhớ Mười Hai (1972)*  *........*  **4. PHBĐ**  - PTBĐ: Biểu cảm + miêu tả  **5. Bố cục:** 3 phần  - Phần 1: *Từ đầu đến mê luyến mùa xuân: Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân.*  - Phần 2: *Tiếp theo đến mở hội liên hoan: Cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền Bắc – mùa xuân Hà Nội.*  - Phần 3: *Phần còn lại: Cảm nhận về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng Giêng.* |

**1.2 Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được nét đặc sắc của cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được tái hiện trong tùy bút.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, thưc hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS, sơ đồ tư duy.

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân. (15’)**  ***- Chuyển giao NV:***  GV chia lớp thành các nhóm đôi và đưa ra câu hỏi để học sinh suy nghĩ thảo luận làm bài:  + Quan sát hai câu đầu văn bản và cho biết trong lời bình luận này, các cụm từ “Tự nhiên như thế, không có gì lạ hết” được tác giả sử dụng với ý gì?  ***- Thực hiện NV:***  + HS thảo luận nhóm hoàn thành PHT.  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  ***- Báo cáo, thảo luận*:**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  ***- Kết luận, nhận định:***  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân.**  - Khẳng định tình cảm “mê luyến mùa xuân” là tình cảm có sẵn và hết sức thông thường ở mỗi con người.  - Biện pháp điệp:  + Điệp ngữ, điệp kiểu câu: “Ai bảo được…, đừng thương…, ai cấm được…, thì mới hết…”  → Nhấn mạnh tình cảm của con người dành cho mùa xuân, tạo nhịp điệu cho mùa xuân. Tạo cho lời văn thêm tha thiết, mềm mại theo dòng cảm xúc.  - Tình cảm mùa xuân của con người gắn với các quan hệ tự nhiên:  + Non – nước, bướm – hoa; trai – gái, mẹ - con; cô gái còn son nhớ chồng,…  → Khẳng định tình cảm với mùa xuân là quy luật, không thể khác, không thể cấm đoán.  → Thể hiện tình cảm nâng niu, trân trọng, thương nhớ, thủy chung với mùa xuân của tác giả. |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền Bắc – mùa xuân Hà Nội. (20’)**  ***- Chuyển giao NV:***  GV đặt câu hỏi, Hs trả lời theo hình thức vấn đáp:  *+ Việc lặp lại từ “có” và dấu chấm lửng ở cuối câu có tác dụng gì?*  *+ Tại sao tác giả lại mở đầu đoạn văn bằng câu Mùa xuân của tôi?*  *+ Em cảm nhận được vẻ đẹp gì của mùa xuân thông qua bức tranh minh họa?*  GV phát PHT, yêu cầu HS làm nhóm đôi. Yêu cầu một nhóm đại diện trình bày (có thể mời nhóm ít chủ động trình bày), các nhóm khác quan sát.  ***- Thực hiện NV:***  + HS thảo luận nhóm hoàn thành câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  ***- Báo cáo, thảo luận*:**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  ***- Kết luận, nhận định:***  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **2. Cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền bắc – mùa xuân Hà Nội.**  \* “*Mùa xuân của tôi…như thơ mộng*”:  - Lặp từ “có” và dấu chấm lửng ở cuối câu: Liệt kê để nhấn mạnh các dấu hiệu điển hình của mùa xuân đất Bắc, gợi ra những vẻ đẹp khác nhau của mùa xuân.  - “*Mùa xuân của tôi*”: Cảnh vật thiên nhiên, không khí mùa xuân được nhớ lại, gợi lại từ những chi tiết, hình ảnh còn lắng đọng nhất, ám ảnh nhất. Đó là mùa xuân riêng trong hồi ức của người xa xứ. Vì vậy, tác giả bắt đầu bằng “mùa xuân của tôi” là có lý và phù hợp tâm trạng.  - Dấu hiệu tạo nên cảnh sắc mùa xuân đất Bắc:  + Cảnh sắc thiên nhiên: thời tiết, khí hậu đặc biệt của mùa xuân như mưa riêu riêu, gió lành lạnh.  + Âm thanh: tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng.  → Không khí hài hòa với cảnh sắc tạo thành một sự sống riêng của mùa xuân đất Bắc.  \* “*Người yêu cảnh… yêu thương nữa”:*  *- “Mùa xuân thần thánh của tôi*”: tác giả cảm nhận mùa xuân thiêng liêng, diệu kì.  - “*Nhựa sống ở trong người căng lên… đứng cạnh”, “Mùa xuân làm cho tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra… ngày đông tháng giá.”, “Y như những con vật.. thèm khát yêu thương thực sự*”:  + Mùa xuân khơi dậy ở thiên nhiên và con người sức sống tiềm tàng và làm cho nó trở nên mạnh mẽ.  + Làm bừng dậy lòng yêu đời, khao khát sống và yêu thương.  →Biện pháp nghệ thuật so sánh mới mẻ.  → Giọng điệu vừa sôi nổi, vừa tha thiết, ngôn ngữ mềm mại, trau chuốt, giàu chất trữ tình tạo nên sức truyền cảm của đoạn văn.  \* “*Nhang trầm… mở hội liên hoan*”:  - Khung cảnh bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên với đèn nến, hương trầm.  + Mùa xuân còn được thể hiện trong đời sống gia đình, trong không khí đoàn tụ êm đềm.  + Mùa xuân có sức mạnh khơi dậy và lưu giữ những giá trị tinh thần cao quý của con người.  → Giọng điệu êm ái, tha thiết.  - Sức sống thiên nhiên và con người trong tháng Giêng mùa xuân được tác giả suy tưởng và hồi nhớ trong tình cảm và tâm trạng buồn xa, bồi hồi,…  → Mùa xuân tháng Giêng gợi lại trong lòng một người con xa xứ như tác giả cảm giác rạo rực, xôn xao và ấm áp.  → Lòng biết ơn, sự hân hoan, nỗi nhớ thương mùa xuân da diết. |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng Giêng (15’)**  ***- Chuyển giao NV:*** GV đặt câu hỏi, Hs thảo luận theo nhóm và trả lời theo hình thức vấn đáp:  *+ Tìm những hình ảnh, chi tiết miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, cảnh sắc và không khí mùa xuân trước và sau ngày rằm tháng Giêng.*  *+ Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để miêu tả? Tác dụng của biện pháp đó là gì?*  *+ Chỉ ra câu văn miêu tả sự thay đổi, chuyển biến của cảnh sắc và không khí mùa xuân.*  *+ Cảnh tượng ấy mang lại cảm xúc đặc biệt nào cho con người?*  *+ Cảm nhận của em về mùa xuân đất Bắc qua văn bản là gì?*  ***- Thực hiện NV:***  + HS thảo luận nhóm hoàn thành câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  ***- Báo cáo, thảo luận*:**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  ***- Kết luận, nhận định:***  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **3. Cảm nhận về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng Giêng**   |  |  | | --- | --- | | **Trước rằm tháng Giêng** | **Sau rằm tháng Giêng** | | - Đào tươi, nhụy vẫn còn phong.  - Cỏ mướt xanh.  - Trời nồm, mưa phùn.  - Nền trời đùng đục như màu pha lê mờ.  - Bữa cơm còn thịt mỡ, dưa hành.  - Màn điều treo lơ lửng, chưa làm lễ hóa vàng, các trò vui tết, cuộc sống ăn chơi. | - Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong.  - Cỏ nức mùi hương man mác.  - Trời hết nồm, mùa xuân.  - Nền trời có những vệt xanh tươi, làn sóng hồng hồng rung động.  - Bữa cơm giản dị.  - Hóa vàng, màn điều hạ, trò vui tết đã mãn, cuộc sống êm đềm tháng nhật lại tiếp tục. |   - Biện pháp so sánh: Chỉ được nét riêng, độc đáo của cảnh sắc và hương vị của mùa xuân trước và sau rằm tháng Giêng.  - “*Chỉ độ tám chín giờ sáng… con ve mới lột”*  + Tác giả thể hiện sự nhạy cảm tinh tế của mình qua những hình ảnh so sánh tiêu biểu tạo nên câu văn lung linh, truyền cảm.  → Không gian rộng rãi, sáng sủa, không khí đời thường giản dị, ấm cúng.  → Mang lại cảm xúc vui vẻ, phấn chấn.  - Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp và rực rỡ mang một vẻ đẹp riêng biệt của không khí ngày xuân ở Hà Nội và miền Bắc trong những ngày giáp Tết và sau ngày rằm tháng Giêng. Đồng thời, qua cảnh sắc thiên nhiên, bộc lộ nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê, lòng yêu cuộc sống, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa độc đáo của Vũ Bằng.  - Qua việc tái hiện cảnh sắc và không khí của mùa xuân miền Bắc, tác giả đã bộc lộ sự quan sát, sự cảm nhận rất tinh tế trong từng chi tiết miêu tả ngoại cảnh. Điều đó thể hiện tác giả không chỉ là người am hiểu thiên nhiên mà còn rất yêu thiên nhiên, biết trân trọng cuộc sống và tận hưởng những vẻ đẹp cuộc sống. |

**1.3. Tổng kết**

**a.** **Mục tiêu:** HS tóm lại được các nét khái quát về chủ đề và thể loại của văn bản.

**b.** **Nội dung**: HS tóm gọn lại nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản

**c.** **Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV mời HS nhắc lại những ý chính trong văn bản.  - GV cho HS ghi chép lại phần tổng kết nội dung, nghệ thuật.  - GV cho HS sơ đồ hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy.  **Bước 2: HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS phát biểu ý kiến  - HS ghi chép bài  - HS vẽ sơ đồ tư duy bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  GV gọi 1 vài HS trả thả, trình bày sơ đồ của mình, các HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV chốt ý, sửa sơ đồ tư duy cho HS | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung:**  - Nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê, yêu thiên nhiên, biết trân trọng cuộc sống và tận hưởng những vẻ đẹp của cuộc sống.  **2. Nghệ thuật:**  - Ngòi bút tài hoa, sự quan sát, sự cảm nhận tinh tế.  - Kết hợp giọng kể - tả - biểu cảm rất nhịp nhàng, hài hòa, trôi chảy tự nhiên.  - Sử dụng biện pháp so sánh độc đáo.  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc, giàu chất trữ tình. |

**Hoạt động 2: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức mới đã học ở phần hình thành kiến thức vào các tình huống cụ thể thông qua hệ thống bài tập.

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi cho HS trả lời

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d**. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Chọn đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau  **Bước 2: HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  GV đọc câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  HS suy nghĩ giơ tay trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đưa ra câu trả lời chính xác, bổ sung phần kiến thức HS chưa nắm rõ | **IV. LUYỆN TẬP**  ***Trò chơi: Ong về tổ*** |

**Hoạt động 3: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ với thực tiễn .

**b. Nội dung:** Giao nhiệm vụ về nhà cho HS. HS hoàn thành nhiệm vụ sau:

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.

**c. Sản phẩm:**

Học sinh viết đoạn văn ra giấy kiểm tra .

**d. Tổ chức hoạt động:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

- GV yêu cầu HS nộp bài trước khi vào tiết Ngữ văn tiếp theo

**Hoạt động 4. Hướng dẫn về nhà và chuẩn bị bài mới:**

- Bài cũ: hoàn thành bài tập theo yêu cầu.

- Chuẩn bị bài mới: Hoàn thành phiếu bài tập cho phần Thực hành TV.